

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẠC 2 DÀNH CHO SINH VIÊN
MÔN THI: TIẾNG ANH
Đợt thi ngày 11 tháng 12 năm 2020

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM	
1	01	TA01	Đỗ Tuấn Anh	22/04/1998	Bắc Ninh	Nam	D-CNTP6A	16DCNTP0130	12	50	14	76	A2
2	01	TA02	Nguyễn Tuấn Anh	15/04/1998	Hưng Yên	Nam	D-THUY6B	16DTY0450	11	51	9	71	A2
3	01	TA03	Trịnh Quang Anh	27/06/1998	Bắc Ninh	Nam	D-CNTP6A	16DCNTP0131	14	50	10	74	A2
4	01	TA04	Nguyễn Văn Cường	22/07/1999	Bắc Giang	Nam	D-THUY7A	17DTY0524	16	52	12	80	A2
5	01	TA05	Đinh Văn Diện	23/10/1997	Nam Định	Nam	D-THUY5A	15DTY0278	17	48	5	70	A2
6	01	TA06	Ngô Hoàng Dương	16/12/1996	Bắc Giang	Nam	D-THUY4C	14DTY0228	16	46	11	73	A2
7	01	TA07	Nguyễn Mạnh Dương	08/12/1997	Hải Dương	Nam	D-THUY5B	15DTY0336	-	-	-	-	Bảo lưu
8	01	TA08	Nguyễn Đình Đạt	25/10/1995	Bắc Ninh	Nam	D-CNTP4A	14DCNTP0070	13	51	6	70	A2
9	01	TA09	Ngô Hùng Giang	30/03/1999	Bắc Giang	Nam	D-CNTY7A	17DCNTY0043	14	46	8	68	Không đạt
10	01	TA10	Thân Thị Thúy Hà	27/09/1997	Bắc Giang	Nữ	D-THUY5A	15DTY0585	15	46	9	70	A2
11	01	TA11	Nguyễn Văn Hải	06/02/2000	Bắc Ninh	Nam	D-CNTP8A	18DCNTP0155	15	48	9	72	A2
12	01	TA12	Nguyễn Hữu Hậu	03/06/1998	Hưng Yên	Nam	D-CNTY7A	17DCNTY0045	14	48	8	70	A2
13	01	TA13	Lê Ngọc Hiền	09/07/2000	Bắc Giang	Nữ	D-THUY8A	18DTY0583	16	48	12	76	A2
14	01	TA14	Dương Ngô Hoàng	14/07/1996	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0288	13	50	12	75	A2

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM	
15	01	TA15	Trịnh Thị Huế	29/08/1998	Hà Nam	Nữ	D-THUY7A	17DTY0539	19	45	11	75	A2
16	01	TA16	Mai Văn Hùng	12/03/1999	Quảng Bình	Nam	D-CNTY7A	17DCNTY0047	11	44	9	64	Không đạt
17	01	TA17	Nguyễn Huy Hùng	07/11/1997	Bắc Ninh	Nam	D-QLTN5A	15DQLDD0420	13	46	11	70	A2
18	01	TA18	Vũ Mạnh Hùng	28/08/1996	Bắc Giang	Nam	D-THUY5A	15DTY0290	16	48	11	75	A2
19	01	TA19	Đặng Quang Huy	25/03/1998	Hung Yên	Nam	D-THUY6B	16DTY0471	15	49	12	76	A2
20	01	TA20	Lâm Quốc Huy	24/08/2000	Thái Bình	Nam	D-CNTP8A	18DCNTP0157	14	44	12	70	A2
21	01	TA21	Phạm Ngọc Lâm	17/09/2000	Bắc Giang	Nam	D-THUY8A	18DTY0568	19	44	9	72	A2
22	02	TA22	Nguyễn Trọng Linh	16/09/1998	Bắc Ninh	Nam	D-THUY6B	16DTY0478	16	36	4	56	Không đạt
23	02	TA23	Nguyễn Đình Lộc	24/10/2000	Bắc Ninh	Nam	D-THUY8A	18DTY0571	16	39	4	59	Không đạt
24	02	TA24	Lê Đình Minh	22/01/1998	Bắc Ninh	Nam	D-THUY6B	16DTY0483	16	56	5	77	A2
25	02	TA25	Nguyễn Hồng Minh	04/07/1996	Bắc Ninh	Nam	D-QLDD4B	14DQLDD0377	16	54	12	82	A2
26	02	TA26	Hoàng Giang Nghĩa	27/07/1997	Lạng Sơn	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0027	19	46	7	72	A2
27	02	TA27	Đỗ Hữu Phong	07/02/1997	Hung Yên	Nam	D-QLDD5A	15DQLDD0426	20	49	10	79	A2
28	02	TA28	Trần Thu Phương	25/10/1999	Bắc Giang	Nữ	D-QLTN7A	17DQLTN0365	20	54	11	85	A2
29	02	TA29	Lê Thị Quỳnh	16/12/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0383	17	49	9	75	A2
30	02	TA30	Nguyễn Thị Thanh	23/03/2000	Đắk Lắk	Nữ	D-THUY8A	18DTY0578	16	47	8	71	A2
31	02	TA31	Nguyễn Xuân Thắm	05/09/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6B	16DTY0498	13	44	4	61	Không đạt
32	02	TA32	Nguyễn Văn Chiến Thắng	12/08/1999	Bắc Ninh	Nam	D-CNTY7A	17DCNTY0048	19	46	5	70	A2

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
									NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM	
33	02	TA33	Tổng Văn Thịnh	13/03/1998	Bắc Giang	Nam	D-QLTNR6A	16DQLTNR0083	19	45	6	70	A2
34	02	TA34	Nguyễn Văn Tới	23/05/1998	Bắc Giang	Nam	D-QLDD6A	16DQLDD0455	16	44	10	70	A2
35	02	TA35	Lương Huyền Trang	16/10/1996	Yên Bái	Nữ	D-THUY4B	14DTY0260	19	45	7	71	A2
36	02	TA36	Dương Quang Trường	08/11/1999	Bắc Giang	Nam	D-CNTY7A	17DCNTY0051	18	51	6	75	A2
37	02	TA37	Nguyễn Xuân Trường	04/02/1998	Hà Nội	Nam	D-CNTY7A	17DCNTY0052	16	50	4	70	A2
38	02	TA38	Nguyễn Tuấn Tú	08/12/1996	Bắc Ninh	Nam	D-CNTP4A	14DCNTP0116	16	54	11	81	A2
39	02	TA39	Nguyễn Văn Tuấn	10/08/1999	Bắc Giang	Nam	D-CNTY7A	17DCNTY0053	18	54	9	81	A2
40	02	TA40	Nguyễn Linh Vương	02/05/1994	Lạng Sơn	Nam	D-QLDD6A	16DQLDD0458	-	-	-	-	Bảo lưu
41	02	TA41	Bùi Thị Như Ý	15/01/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN7A	17DKT0393	19	55	12	86	A2

Số thí sinh theo danh sách: 41

Số thí sinh bảo lưu thi đợt sau: 2

Số thí sinh dự thi: 39

Kết quả thi:

Số thí sinh không đạt: 5

Số thí sinh đạt chứng nhận Tiếng Anh bậc 2: 34

Bắc Giang, ngày 21 tháng 12 năm 2020

Thư ký Hội đồng thi

Chủ tịch Hội đồng thi

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Quang

TS. Mai Thị Huyền